

Số: / BC-THCSLD

Diễn Liên, ngày 05 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH THEO

(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Trường THCS Liên Đồng đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có). Tên trường: Trường THCS Liên Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Xóm 3, xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0977 385 748

Website: <http://thcsdienlien.dienchau.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng GD&ĐT huyện Diễn Châu, Đảng ủy, UBND xã Diễn Liên, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của

các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò Trường THCS Diên Liên đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT Nghệ An, Phòng GD&ĐT huyện Diên Châu, thầy và trò Trường THCS Diên Liên không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn đứng ở tốp đầu các trường THCS của huyện. Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến”. Năm 2020 nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; Sở GD&ĐT cấp giấy chứng nhận KĐCLGD cấp độ 2.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Liên Đồng được thành lập ngày tháng năm , theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu. Năm học 2024-2025, trường có 21 lớp với 45 cán bộ, giáo viên, công nhân viên và 937 học sinh.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư

điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Ông Đặng Văn Hiền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3, xã Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An

Số điện thoại: 0962438635

Gmail: danghien1976@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Trường THCS Liên Đồng được thành lập 2011. Lúc đầu trường có tên là phổ thông cơ sở Diễn Liên (Tiền thân của trường THCS Liên Đồng bây giờ).

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Diễn Châu. Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; Phó Hiệu trưởng nhà trường, chủ tịch Công đoàn; đại diện tổ chuyên môn, đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Đặng Văn Hiền làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Đồng chí Trần Văn Chung làm phó chủ tịch hội đồng- Phó bí thư chi bộ, Đồng chí Nguyễn Văn Thành làm thư kí Hội đồng trường.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Hiệu trưởng: Đặng Văn Hiền

+ Ngày tháng năm sinh: 25/07/1976

+ Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Liên Đồng ngày 14/8/2023 theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 10/08/2023 của UBND huyện Diễn Châu.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 01 năm 02 tháng.

Phó hiệu trưởng: Trần Văn Chung

+ Ngày tháng năm sinh: 25/12/1975

+ Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Liên Đồng vào ngày 04/9/2024 theo quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của ủy ban nhân huyện Diễn Châu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 2 tháng.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo)

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Số biên chế được UBND huyện Diễn Châu giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0
Phó Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0
Giáo viên	40	23	0	0	41	0
Nhân viên	3	3	0	1	2	0
Cộng	45	26	0	1	44	0

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Liên Đồng năm học 2024-2025:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Thạc sỹ	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém
	Tổng số GV,CB,NV	45	0	0	43	1	1	0	2	39	2	9	0	0	0
I	Tổng số GV,CB,NV	22	0	0	22	0	0	0	0	21	1		0	0	0
1	Toán	10			10				0	9	1		0	0	0
2	Lý	2			2				0	2	0		0	0	0
3	Hóa	2			2				0	2	0	1	0	0	0
4	Văn	7			7				0	7	0	1	0	0	0
5	Tiếng anh	4			4				0	4	0	1	0	0	0
6	Mỹ thuật	1			1				0	1	0		0	0	0

7	Thế dục	3			2	1			1	2	0		0	0	0
8	Sinh học	2	0	0	2	0			0	2	0	1	0	0	0
9	Âm nhạc	0	0	0	0	0			0	0	0		0	0	0
10	Địa lý	2	0	0	2	0			0	2	0	1	0	0	0
11	Lịch sử	3	0	0	3	0			0	3	0		0	0	0
12	Tin học	1	0	0	1	0			1	0	0		0	0	0
13	Công dân	2	0	0	1	0			0	1	1	2	0	0	0
II	Cán bộ QL	2	0	0	2	0			0	2	0		0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0			0	1	0		0	0	
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0			0	1	0	1	0	0	
III	Nhân viên	3	0	0	2	0	1	0							
1	NV văn thư	1					1								
2	NV kế toán	1	0	0	1	0									
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	NV thư viện	1			1				1			1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	NV hỗ trợ giáo dục NKT														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														

III, Công khai cơ sở vật chất:

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Liên Đồng năm học 2024 - 2025:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	21	1,35 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	21	1,35 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	12	1,85 m ² /Hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	6	1,62 m ² /Hs
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	

8	Bình quân học sinh/lớp	44.61	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7.620	8,132 m ² /hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2540	2,71 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.050	1,120 m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	600	0,64 m ² /Hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	3	50 m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		21 bộ/ 21 lớp
1.1	Khối lớp 6	1	6 bộ/ 6 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	6 bộ/ 6 lớp
1.3	Khối lớp 8	1	5 bộ/ 5 lớp
1.4	Khối lớp 9	1	4 bộ/ 4 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	66	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	04	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	21/21
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		1,5m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn VS*	0		0		0 m ²
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường THCS Liên Đồng đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Liên Đồng đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với

cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây

Trường THCS Liên Đồng đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá với đầy đủ các thành phần: Cấp ủy Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hiện tại UBND xã Diên Liên đang xây phòng đa năng và các công trình phụ trợ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hướng tới xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

IV. Kết quả hoạt động giáo dục:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Liên Đồng, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - HS thuộc địa bàn xã Diễn Liên và hs xã khác '- Đủ 11 tuổi (sinh năm 2013, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình Tiểu học). '- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. '- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thuộc địa bàn xã Diễn Liên và hs xã khác '- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. '- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ, học bạ, sinh, giấy chuyển trường 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thuộc địa bàn xã Diễn Xuân và hs xã khác '- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục '- HS thuộc địa bàn xã Diễn Liên và hs xã khác '- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, G8 giấy chuyển trường. '- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục
---	----------------------	--	---	---	---

II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước - Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. - Môn học đối với lớp 6,7,8,9: 12 môn; - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND huyện Diễn Châu, hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học. - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 4 lần/năm. Ban đại diện trường có 3 thành viên, ban đại diện lớp có 1 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy.			
		- Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT.			
		- Có 02 phòng tin học với 66 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS.			
		- Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, máy tính.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 100 %			
		- Học sinh có học lực khá, giỏi : Trên 71.97%			
		- Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đạt từ 100% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)	- Đạt từ 100% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)	- Đạt từ 100% trở lên học sinh lên lớp thẳng(sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)	- 100% được công nhận TN THCS.
		- Duy trì sĩ số 100%	- Duy trì sĩ số 100%%	- Duy trì sĩ số 100%%	- Duy trì sĩ số 100%%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Liên Đồng năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	865	277/7	228/5	163/4	197/5
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	840	277/277 100%	218/228 95.61%	154/163 94.48%	191/197 96.95%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25	0/277 0%	10/228 4.39%	9/163 5.52%	6/197 3.05%
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0/277 0%	0	0	0
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	865	277/7	228/5	163/4	197/5
1	Giỏi (Tốt)	175	52/277	38/228	32/163	53/197

	(tỷ lệ so với tổng số)		18.77%	16.67%	9.63%	26.90%
2	Khá	427	137/277	108/228	82/163	100/197
	(tỷ lệ so với tổng số)		49.46%	47.37%	50.31%	50.76%
3	Trung bình, (đạt)/ (tỷ lệ so với tổng số)	263	88/277	82/228	49/163	44/197
			31.77%	35.96%	30.06%	22.34%
4	Yếu, CĐ	0	0	0		0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	865	277	228	163	197
1	Lên lớp	100%	100%	100%	100%	100%
	(tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi, XS (tỷ lệ so với tổng số)	171 hs	52/277	38/228	32/163	153/197
			18.78%	16.67%	19.27%	77.66%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại	2/228 8%	0	2/228 8%	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)				0%	
3	Lưu ban	0 0%	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)				0%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	9%	0	5/228 2%	8/163 5%	3/197 2%
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	1/197 1%	0	0	0	1/197 1%
	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện		0/277 0%	0/228 0%	29/163 18%	23/197 12%
2	Cấp tỉnh/thành phố					3/197 2%
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	197				197

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	197				197
1	Giỏi	53/197				53/197
	(tỷ lệ so với tổng số)	26.9%				26.9%
2	Khá	100/197				100/197
	(tỷ lệ so với tổng số)	50.76%				50.76%
3	Trung bình	44/197				44/197
	(Tỷ lệ so với tổng số)	23.34%				23.34%
	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
VII	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	/	/	/	/	/
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

VI. Kết quả tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023
(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2023)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn trông giữ xe đạp học sinh,	Nguồn thu tài trợ CSVCSVC	Nguồn CSSKBĐ	BHYT học sinh
A	CÁC KHOẢN THU PHÂN THEO:	10.062.490	8.190.884	444.377	765.242	37.584	53.156	39.061	532.186
	- Ngân sách nhà nước	8.190.884	8.190.884						
	- Thu từ người học	1.247.203		444.377	765.242	37.584			
	- Thu Tài trợ CSVCSVC	53.156					53.156		
	- Thu CSSKBĐ	39.061						39.061	
	- Thu hộ, chi hộ	532.186							532.186
B	CÁC KHOẢN CHI PHÂN THEO:	9.903.197	8.255.164	220.227	765.139	38.264	53.156	39.061	532.186
I	Chi tiền lương và thu nhập	8.408.816	7.502.078	152.578	754.160	-	-	-	-

	Tiền lương	4.123.148	3.970.570	152.578					
	Phụ cấp lương	2.936.419	2.182.259		754.160				
	Các khoản đóng góp	1.163.473	1.163.473						
	Tiền thưởng	-							
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	185.776	185.776						
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.387.891	646.596	67.649	10.979	38.264	53.156	39.061	532.186
	Thanh toán dịch vụ công cộng	32.440	32.440		4.548				
	Vật tư văn phòng	34.112	34.112						
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.635	7.635						
	Công tác phí	15.700	15.700	5.135					
	Sinh hoạt phí cán bộ đi học	-							
	Chi phí thuê mượn	74.915	44.000	7.100		23.815			
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	200.779	123.154		10.700	13.769	53.156		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-							
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	251.460	251.375		85			14.992	
	Chi khác	710.301	138.180		194	680		39.061	532.186
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-							
III	Chi hỗ trợ người học	106.490	106.490	-	-	-	-	-	-
	Tiền thưởng	-							
	Học bổng học sinh	35.160	35.160						
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	71.330	71.330						
IV	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập								
	Chi lập Quỹ phúc lợi								
	Chi lập Quỹ khen thưởng								
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp								

1. Công khai số dư các quỹ năm 2024

(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - Năm 2023)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Tổng số được sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
	Tổng số					
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập					
	Chi lập Quỹ phúc lợi					
	Chi lập Quỹ khen thưởng					
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách Năm học 2023-2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Số tháng hưởng	Thành tiền
1	Học bổng học sinh khuyết tật	860	3	1.450.000	9	39.150.000
2	Hỗ trợ chi phí học tập	860	54		9	35.850.000
	Học kỳ 1		31	150.000	4	18.600.000
	Học kỳ 2		23	150.000	5	17.250.000
3	Miễn giảm học phí	860	180		18	30.900.000
	- Miễn học phí		53		9	14.040.000
	Học kỳ 1		31	60.000	4	7.440.000
	Học kỳ 2		22	60.000	5	6.600.000
	- Giảm học phí		127		9	16.860.000
	Học kỳ 1		73	30.000	4	8.760.000
	Học kỳ 2		54	30.000	5	8.100.000

3. Công khai các khoản thu và mức thu đối với người học:

TT	Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	NĂM HỌC 2024-2025			

1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60 000	
2	Học thêm, dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết	6 000	
3	Tiền gửi xe đạp	Đồng/học sinh/tháng	12 000	
4	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	73 710	
II	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2025-2026			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60 000	
2	Học thêm, dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết	7 000	
3	Tiền gửi xe đạp	Đồng/học sinh/tháng	12 000	
4	Tiền số liên lạc điện tử	Đồng/học sinh/năm học	100 000	
5	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	73 710	
III	DỰ KIẾN NĂM HỌC 2026-2027			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60 000	
2	Học thêm, dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết	7 000	
3	Tiền số liên lạc điện tử	Đồng/học sinh/năm học	100 000	
4	Tiền gửi xe đạp	Đồng/học sinh/tháng	12 000	
5	Tiền BHYT học sinh	Đồng/học sinh/tháng	73 710	

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh khối THCS: Cô Dương Thị Hồng Trinh; Thầy Trương Trọng Dũng được công nhận GV dạy giỏi cấp Tỉnh.

Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 02 em môn GDTC; 01 em môn Địa Lý.

- + Thi STKH đạt giải 3 toàn huyện.
- + Thi TS lớp 10 xếp thứ 06/29 toàn huyện .
- + Đội tuyển HSG TDTT có 04 giải..
- + SKKN năm học 2023 -2024 cấp huyện.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.
- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất

lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyên biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.
- Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của PGD&ĐT Huyện.
- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.
- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.
- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.
- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT huyện
- Lưu VP


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
LIÊN ĐỒNG
Đặng Văn Hiến